TAND HUYỆN HIỆP H **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 34/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 18/8/2017
V/v Tranh chấp TS sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Văn Huyên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường
Ông Nguyễn Nọc Trứ
Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ – Thư ký Tòa án
Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà.

Trong ngày 18/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2017/TLST- HNGĐ ngày 13/3/2017 về việc tranh chấp tài sản "Sau ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/QĐST- HNGĐ ngày 01/8/2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1971 (Có mặt)
Địa chỉ: Đồng D, Hoàng T, Hiệp H, Bắc Giang
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1966 (Có mặt)
Địa chỉ: Đồng D, Hoàng T, Hiệp H, Bắc Giang Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện chia tài sản sau ly hôn lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn là chị Hồ Thị T trình bày:

Chị T và anh H kết hôn năm 1990 qúa trình chung sống do vợ chồng không hạnh phúc nên tháng 02/2017 chị và anh H đã ly hôn, khi ly hôn chị T và anh H không yêu cầu chia tài sản để vợ chồng tự thỏa thuận. Nay do chị và anh H không thỏa thuận được việc chia tài sản nên chị Yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản của chị và anh H gồm có: 01 đất thổ cư diện tích 130,4m2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 nhà trên ba tầng; 01 mái hiên lập tôn trước nhà trên; 01 mái hiên lập Prôximăng sau nhà trên; 01 đất thổ cư ở trong làng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất là do gia đình anh H cho lúc vợ chồng ở riêng và một số đồ dung sinh hoạt trong gia đình. Nay vợ chồng ly hôn chị T đề nghị chỉ chia nhà trên 03 tầng và đất thổ cư diện tích 130,4m2. Đối với đất thổ cư ở trong làng, một số tài sản gắn liền với đất thổ cư diện tích 130,4m2 và

các tài sản khác của vợ chồng chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị giao nhà trên ba tầng và đất thổ cư diện tích 130,4m2 cho chị và chị T toán chênh lệch tài sản cho anh H.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bầy: Anh H và chị T kết hôn năm 1990 qúa trình chung sống do vợ chồng không hạnh phúc nên tháng 02/2017 anh H và chị T đã ly hôn, khi ly hôn anh H và chị T không yêu cầu chia tài sản để vợ chồng tự thỏa thuận. Nay do anh và chị T không thỏa thuận được việc chia tài sản nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản anh đồng ý. Tài sản của anh và chị T có gồm: 01 đất thổ cư diện tích 130,4m2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 nhà trên ba tầng; 01 mái hiên lập tôn trước nhà trên; 01 mái hiên lập Prôximăng sau nhà trên; 01 đất thổ cư ở trong làng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh, nguồn gốc đất là do gia đình anh H cho lúc vợ chồng ở riêng và một số đồ dung sinh hoạt trong gia đình. Nay vợ chồng ly hôn anh đề nghị chỉ chia nhà trên 03 tầng và đất thổ cư diện tích 130,4m2. Đối với đất thổ cư ở trong làng, một số tài sản gắn liền với đất thổ cư diện tích 130,4m2; cây cối hao lợi trên đất và các tài sản khác của vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đề nghị chia đôi diện tích đất 130,4m2 anh lấy phần đất và nhà có bàn thờ tổ tiên, nếu chị T yêu cầu để cho chị T lấy toàn bộ nhà đất và T toán tiền cho anh, anh không đồng ý. Nếu chị T để toàn bộ nhà đất cho anh và anh T toán tiền cho chị T thì anh chưa có tiền T toán cho chị T.

Tại phiên toà hôm nay KSV phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 38, điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, điều 271, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử giao cho chị Hồ Thị T được sử dụng thửa đất số 136 tờ bản đồ số 48 có diện tích 130,4m2 và một ngôi nhà trên ba tần tại thôn Đồng D, xã Hoàng T, huyện Hiệp H. Chị T, anh H mỗi người phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng chị T được trừ 10.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1, Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Hồ Thị T ngày 06/02/2017 đây được xác định là quan hệ "chia tài sản sau ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự..

2, Về tài sản: Chị T và anh H là vợ chồng do cuộc sống không hạnh phúc nên tháng 02 năm 2017 đã ly hôn, khi ly hôn chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản. Nay chị T yêu cầu Tòa án chia tài sản sau ly hôn là có căn cứ; quá trình chung sống chị T và anh H tạo dựng được khối tài sản gồm: 01 đất thổ cư diện tích 130,4m2 đã được UBND huyện Hiệp H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA606434 ngày 31/12/2014 tại thôn Đồng D, xã Hoàng T, huyện Hiệp H trị giá 200.000.000 đồng; 01 nhà trên ba tầng xây gạch đặc, nền lát gạch men, cửa trước lắp cửa thủy lực, cửa nách và cửa sổ gỗ bạch đàn, tầng ba khung gỗ lập tôn. Nhà xây năm 2007 trị giá 300.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chị T và anh H yêu cầu Tòa án chia là 500.000.000 đồng.

Xét yêu cầu chia nhà và đất của chị T và anh H HĐXX thấy: Phần đất chị T và anh H tranh chấp diện tích 130,4m2; trong đó chiều rộng phía trước hướng Tây Nam giáp đường đi là 5,99m; chiều rộng phía sau hướng Đông Bắc giáp ruộng là 6,01m; chiều dài hướng Đông giáp đất nhà (Vân – Huệ) và hướng Tây giáp đất bà Duyên đều là 23,25m. chị T đề nghị giao nhà đất cho chị và chị T toán chênh lệch tài sản cho anh H, anh H đề nghị chia đôi đất nhà anh lấy phần đất nhà có bàn thờ tổ tiên. HĐXX thấy đất của chị T và anh H hẹp, chiều rộng phía trước chỉ 5,99m, chiều rộng phía sau chỉ 6,01 m. Chị T và anh H làm nhà chiều rộng mặt tiền là 4,5m, chiều dài là 16,22m và nhà làm về một phía. Nếu chia đôi đất thì mặt tiền mỗi người được 3m, ai lấy phần nhà về hướng Đông giáp đất nhà (Vân – Huệ) có chiều rộng phủ bì là 2,80m; ai lấy phần nhà còn lại về hướng Tây giáp đất nhà bà Duyên có chiều rộng phủ bì 1,70m hai người lại phải sử dụng chung cầu thang đi lên tầng hai và tầng ba. Như vậy, nhà sẽ không phát huy được giá trị sử dụng, một trong hai bên tháo dỡ phần công trình nhà của mình đi sẽ làm ảnh hưởng tới công trình của người còn lại. Tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn đề nghị chia đôi nhà và đất, nếu để cho anh H lấy toàn bộ nhà và đất thì anh chưa có điều kiện T toán chênh lệch tài sản cho chị T, chị T đề nghị giao nhà đất cho chị T và chị T T toán chênh lệch tài sản cho anh H nhưng anh H không đồng ý. HĐXX thấy ngoài nhà và đất đang tranh chấp anh H và chị T còn một đất thổ cư nữa nguồn gốc là của gia đình anh H cho, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh H và anh H đang quản lý, hiện nay vợ chồng tranh chấp tài sản chị T không yêu cầu chia mảnh đất thổ cư gia đình anh H cho mà để cho anh H sử dụng. Để đảm bảo quyền lợi cho cả anh H và chị T, không làm ảnh hưởng tới giá trị sử dụng của nhà HĐXX thấy cần giao chị Chị T được sở hữu nhà đất đang tranh chấp. Nhưng chị T phải T toán chênh lệch tài sản cho anh H số tiền là 250.000.000 đồng. Trên phần đất thổ cư của chị T và anh H (phần đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) còn mái hiên lập tôn phía trước, mái hiên lập Prôximăng phía sau, tường bao, giếng khoan, cây cối hoa lợi trên đất và một số công trình kiến chúc khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay giao cho chị T

được sở hữu và sử dụng nhà đất nên chị T được sở hữu những tài sản đó. Ngoài ra anh H và chị T còn một số tài sản khác và đồ dùng sinh hoạt, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Trong sơ đồ đất thổ cư của chị T và anh H do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hiệp H đo vẽ ngày 22/6/2017 có ghi rõ chỉ giới quy hoạch hành làng giao thông trên sơ đồ, đây mới là chỉ giới quy hoạch chứ chưa có quyết định. Do vậy, Tòa án không đưa UBND huyện Hiệp H và UBND xã Hoàng T vào tham gia tố tụng.

Đối với số tiền chi phí đo vẽ sơ đồ đất chị T xin chịu toàn bộ, đây là sự tự nguyện của chị T nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3, Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; điều 147; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Giao cho chị Hồ Thị T được sở hữu và sử dụng tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 nhà trên 03 tầng, chiều rộng 4,5m, chiều dài 16,22m (tầng một và tầng hai đổ trần, tầng ba khung gỗ lập tôn),trị giá 300.000.000 đồng; 01 đất thổ cư diện tích 130,4m2 tại thửa số 136, tờ bản đồ số 48, đất đã được UBND huyện Hiệp H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 606434 ngày 31/12/2014; địa chỉ thửa đất: Thôn Đồng D, xã Hoàng T, huyện Hiệp H, trị giá đất là 200.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chị T được sở hữu và sử dụng là 500.000.000 đồng. Đất có các điểm tiếp giáp sau:

-Hướng Tây Nam giáp đường đi của thôn cạnh A-C rộng 5,99m

-Hướng Đông Bắc giáp ruộng cạnh E-H rộng 6,01m

-Hướng Đông Giáp đất nhà (Vân – Huệ) cạnh D-E dài 1,91m; cạnh C-D dài 21,34m.

-Hướng Tây giáp đất bà Duyên cạnh A-H dài 23,25m (Có sơ đồ kèm theo).

Nhưng chị Hồ Thị T phải T toán chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Văn H số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Trên đất thổ cư của chị T và anh H (phần đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) còn một số tài sản khác như mái hiên trước nhà trên lập tôn, mái hiên sau nhà trên lập Prôximăng và một số công trình kiến chúc khác gắn liền với đất, cây cối hoa lợi trên đất các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết, nay giao đất cho chị T nên chị T được sở hữu và sử dụng. Ngoài ra chị T, anh H còn một số tài sản khác và dùng sinh hoạt gia đình các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền chi phí đo vẽ sơ đồ đất chị T xin chịu toàn bộ nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được THA dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận THA, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật THADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật THADS.

Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001507 ngày 13/3/2017 của Chi cục THADS huyện Hiệp H, chị T còn phải nộp 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn H phải nộp 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Hiệp Hoà;
-THADS huyện Hiệp Hoà;
- UBND xã Hoàng T;
-Các đương sự;
-Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Giáp Văn Huyên